

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC

Địa chỉ: Km35 - Quốc lộ 10 - Xã Quốc Tuấn - An Lão - Hải Phòng

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 28

051
ÔNG
H NHIỆ
M T
M Đ
IẾT
XU

N:
CÔ
CÔ
KHÍ
AM
PH

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC

Địa chỉ: Km35 - Quốc lộ 10 - Xã Quốc Tuấn - An Lão - Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Lisemco 2 (nay là Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC) được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200786983 ngày 01/02/2008 và thay đổi lần thứ 13 ngày 26/11/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Km 35, Quốc lộ 10, Xã Quốc Tuấn, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng.

Cơ cấu doanh nghiệp:

a/ Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn thực góp/vốn đầu tư CSH	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thương mại Amecc	Km35 - Quốc lộ 10 - Xã Quốc Tuấn - An Lão - Hải Phòng	56,23%	56,23%

b/ Các đơn vị trực thuộc và chi nhánh

Tên công ty	Địa chỉ	Quan hệ
Xí nghiệp Lisemco 2.1	Km35 - Quốc lộ 10 - Xã Quốc Tuấn - An Lão - Hải Phòng	Chi nhánh
CN Công ty CP Cơ khí Xây dựng Amecc tại Myanmar	Yangon, Myanmar	Chi nhánh

c/ Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn thực góp/vốn đầu tư CSH	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Mạ kẽm Amecc	Km35 - Quốc lộ 10 - Xã Quốc Tuấn - An Lão - Hải Phòng	23,44%	23,4%
Công ty Cổ phần Mecta	Số 1 Phạm Ngũ Lão, P. Lương Khánh Thiện, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	26%	26%

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 26/11/2016 là 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng), tổng số cổ phần là 15.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

Cổ đông	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Nguyễn Văn Thọ	1.873.442	18.734.442.000	12,48%
Nguyễn Văn Khánh	1.500.000	15.000.000.000	10,00%
Nguyễn Văn Sáu	1.000.000	10.000.000.000	6,67%
Ngô Quang Anh	1.000.000	10.000.000.000	6,67%
Công ty CP Vận tải biển Quốc tế VISC	600.000	6.000.000.000	4,00%
Đình Ngọc Thắng	600.000	6.000.000.000	4,00%
Các cổ đông khác	8.426.558	84.265.580.000	56,18%
Tổng cộng	15.000.000	150.000.000.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC

Địa chỉ: Km35 - Quốc lộ 10 - Xã Quốc Tuấn - An Lão - Hải Phòng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 02/04/2017, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng; phương án phát hành: phát hành 5.000.000 cổ phiếu (mã cổ phiếu AMS), mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu; toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành dự kiến 50.000.000.000 đồng sẽ được bổ sung vốn lưu động của Công ty. Ngày 17/01/2018 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có công văn số 406/UNCK-QLCB về việc hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của AMS. Theo đó, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã nhận được đầy đủ Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Giấy đăng ký chào bán ngày 27/11/2017 của Công ty. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện công bố các nội dung liên quan đến việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Nguyễn Văn Thọ	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Đức Độ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02/04/2017
Ông Ngô Quốc Thịnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/04/2017
Ông Trần Ngọc Dương	Thành viên	
Ông Đinh Ngọc Thắng	Thành viên	
Ông Nguyễn Sơn	Thành viên	

Các thành viên Ban Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Nguyễn Văn Thọ	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05/04/2017
Ông Ngô Quốc Thịnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05/04/2017
Ông Lê Đình Tư	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đức Độ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Lượng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Hào	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Hà	Kế toán trưởng	

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Ông Nguyễn Hữu Phong	Trưởng ban
Bà Lê Phương Nhâm	Thành viên
Ông Nguyễn Chí Thanh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC

Địa chỉ: Km35 - Quốc lộ 10 - Xã Quốc Tuấn - An Lão - Hải Phòng

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cũng cam kết về tính đầy đủ, hiện hữu và giá trị của các khoản công nợ phải thu, phải trả và tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2017.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Thay mặt Hội đồng quản trị
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Văn Thọ

Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Thay mặt Ban Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Dũng



Số: 347 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

- Kính gửi :**
- Các cổ đông Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC
 - Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC, được lập ngày 30/03/2018, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



NGÔ QUANG TIẾN

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHNT số 0448-2018-126-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

TỔNG THỊ BÍCH LAN

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNT số 0060-2018-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		698.563.191.698	511.612.643.273
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		32.247.698.166	34.719.797.441
1. Tiền	111	V.01	32.247.698.166	34.719.797.441
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	6.232.697.666	2.546.284.586
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		6.232.697.666	2.546.284.586
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		386.718.905.744	278.891.070.159
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	332.826.645.055	221.446.425.880
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	30.550.383.258	23.058.785.524
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	38.949.946.205	49.993.927.529
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(15.608.068.774)	(15.608.068.774)
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	272.013.790.073	193.802.397.995
1. Hàng tồn kho	141		272.013.790.073	193.802.397.995
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.350.100.049	1.653.093.092
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		382.008.719	654.684.683
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		633.368.024	782.514.975
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	334.723.306	215.893.434
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		231.760.149.420	235.221.260.205
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		867.615.847	189.925.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	867.615.847	189.925.000
II. Tài sản cố định	220		213.061.275.291	212.057.780.209
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	150.772.655.464	170.053.452.992
- Nguyên giá	222		237.743.348.481	242.515.989.633
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(86.970.693.017)	(72.462.536.641)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	25.396.158.908	4.073.309.810
- Nguyên giá	225		27.837.644.290	5.344.090.909
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(2.441.485.382)	(1.270.781.099)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	36.892.460.919	37.931.017.407
- Nguyên giá	228		45.239.250.977	45.239.250.977
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(8.346.790.058)	(7.308.233.570)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.894.444.820	6.606.488.950
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	2.894.444.820	6.606.488.950
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	13.283.211.937	12.770.899.158
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		13.083.211.937	12.570.899.158
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		200.000.000	200.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.653.601.525	3.596.166.888
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.624.375.963	3.579.681.871
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		29.225.562	16.485.017
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		930.323.341.118	746.833.903.478

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2017	01/01/2017
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		748.018.904.921	567.669.275.004
I. Nợ ngắn hạn	310		664.563.744.655	481.671.498.310
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	192.385.290.847	136.182.107.412
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	30.011.973.425	10.394.943.017
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	9.382.060.033	16.204.609.153
4. Phải trả người lao động	314		13.518.640.507	9.029.490.142
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	6.849.648.500	2.883.862.137
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		17.303.947.512	9.489.859.041
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	20.203.327.653	16.235.276.170
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	374.374.853.974	281.223.890.613
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		534.002.204	27.460.625
II. Nợ dài hạn	330		83.455.160.266	85.997.776.694
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	60.500.000	60.500.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	83.394.660.266	85.937.276.694
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		182.304.436.197	179.164.628.474
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	182.304.436.197	179.164.628.474
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.191.208.961	2.524.666.876
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.736.059.749	20.488.063.403
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.477.903.561	3.799.215.834
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.258.156.188	16.688.847.569
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		7.377.167.487	6.151.898.195
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		930.323.341.118	746.833.903.478

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Đơn vị tính: đồng Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.01	1.128.586.934.569	1.048.047.989.445
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.128.586.934.569	1.048.047.989.445
4. Giá vốn hàng bán	11	V.02	1.043.772.397.750	952.729.185.202
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		84.814.536.819	95.318.804.243
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.03	632.813.542	1.021.309.784
7. Chi phí tài chính	22	V.04	35.655.157.105	36.024.915.781
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		35.095.838.864	35.305.395.737
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24		512.312.779	22.923.307
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.07	40.441.857.492	36.818.457.361
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.862.648.543	23.519.664.192
11. Thu nhập khác	31	V.05	7.244.626.162	2.458.067.084
12. Chi phí khác	32	V.06	2.431.567.649	3.537.999.895
13. Lợi nhuận khác	40		4.813.058.513	(1.079.932.811)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.675.707.056	22.439.731.381
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.08	3.661.062.525	5.117.456.194
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(12.740.545)	(16.485.017)
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		11.027.385.076	17.338.760.204
18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		10.258.156.188	16.688.847.569
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		769.228.888	649.912.635
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.09	684	1.306
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V.09	513	1.306

Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		(21.659.318.193)	(74.508.605)
1. Lợi nhuận trước thuế	01	14.675.707.056	22.439.731.381
2. Điều chỉnh cho các khoản		48.730.977.300	56.114.395.679
+ Khấu hao tài sản cố định	02	21.857.091.684	19.463.008.603
+ Các khoản dự phòng	03	-	3.490.968.460
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, hoạt động khác	05	(8.221.953.248)	(2.144.977.121)
+ Chi phí lãi vay	06	35.095.838.864	35.305.395.737
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	63.406.684.356	78.554.127.060
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(91.852.468.478)	(30.427.965.251)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(45.757.200.985)	104.816.340.326
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	91.234.115.500	(112.521.589.353)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	2.227.981.872	(712.028.264)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(35.095.838.864)	(35.305.395.737)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.805.869.833)	(4.477.997.386)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(16.721.761)	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		(38.437.566.621)	(10.200.568.701)
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(42.323.864.226)	(20.528.834.337)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	6.940.061.983	2.475.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(24.651.391.482)	(30.610.477.208)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	20.964.978.402	43.032.192.622
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(5.200.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	632.648.702	631.550.222
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		57.624.785.539	(4.560.311.110)
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	1.000.000.000	30.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	713.744.782.421	879.189.343.978
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(639.501.227.727)	(905.186.400.629)
4. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(9.399.888.355)	(4.280.202.271)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.218.880.800)	(4.283.052.188)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.472.099.275)	(14.835.388.416)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	34.719.797.441	49.555.185.857
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	32.247.698.166	34.719.797.441

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hà

Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200786983 ngày 01/02/2008 và thay đổi lần thứ 13 ngày 26/11/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Km 35, Quốc lộ 10, Xã Quốc Tuấn, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng.

2. Ngành nghề kinh doanh

- Gia công cơ khí ; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm);
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt; sản xuất dây cáp kim loại; sản xuất đinh, ghim, đinh tán, đinh vít, xích; sản xuất chân vịt tàu và cánh, mỏ neo, chuông, đường ray tàu hỏa, móc gài, khóa bản lề; Sản xuất đường ống chịu áp lực;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Vận tải đường ống;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Xây dựng nhà các loại;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác, chi tiết: Lắp đặt thang máy, cầu thang tự động, lắp đặt các cửa tự động; lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống âm thanh, hệ thống hút bụi;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác, chi tiết: Nạo vét luồng lạch, sửa chữa công trình xây dựng;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây

điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy thủy;

- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng, cho thuê máy móc thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Tư vấn, thiết kế nhiệt cho các dự án công nghiệp và dân dụng; Thiết kế thông gió, điều hòa không khí, cấp nhiệt cho các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kỹ thuật các công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình đường bộ; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, gang;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Đào tạo cơ khí, đào tạo đóng mới và sửa chữa tàu;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng, chi tiết: Thiết kế các công trình nổi;
- Xây dựng công trình công ích, chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất, chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp, chi tiết: Sản xuất, chế tạo máy nâng chuyên;
- Sản xuất hóa chất cơ bản.

3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có 01 Công ty con, 02 chi nhánh hạch toán phụ thuộc và 02 Công ty liên kết, cụ thể như sau :

- Công ty con: Công ty cổ phần Thương mại Amecc
- Chi nhánh : Xí nghiệp Lisemco 2.1, Chi nhánh Công ty CP Cơ khí Xây dựng Amecc tại Myanmar.
- Công ty liên kết : Công ty cổ phần Mạ kẽm Amecc, Công ty cổ phần Mecta.

4. Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty phản ánh toàn bộ tình hình tài chính, kết quả kinh doanh liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Báo cáo tài chính của các đơn vị được sử dụng để lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm :

Tên doanh nghiệp	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tổng vốn điều lệ thực góp tại ngày 31/12/2017	Hoạt động kinh doanh chính
<i>Công ty mẹ</i> Công ty CP Cơ khí Xây dựng AMECC	Hải phòng	100%	100%	150.000.000.000	Xây lắp, thương mại
<i>Công ty con</i> Công ty CP Thương mại AMECC	Hải phòng	56,23%	56,23%	14.850.000.000	Thương mại

Công ty Cổ phần Thương mại AMECC được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 07/06/2016 có số vốn điều lệ là 16.350.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC góp vốn vào Công ty Cổ phần Thương mại AMECC số tiền 8.350.000.000 đồng chiếm 51,07% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại AMECC. Tại thời điểm 31/12/2017 tỷ lệ vốn của Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC chiếm 56,23% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Thương mại AMECC.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 202 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các văn bản pháp lý khác theo quy định của nhà nước.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và báo cáo tài chính của Công ty con do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của Công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và Công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty đó.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm kỳ kế toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Báo cáo tài chính của Công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân theo quý. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Nguyên tắc kế toán TSCĐ thuê tài chính

Hợp đồng thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Tài sản cố định thuê tài chính được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản và giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao như tài sản cố định của Công ty. Đối với tài sản cố định thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các khoản công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn, sửa chữa tài sản cố định, cấp chứng chỉ. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Các khoản vay được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ.

Khi lập BCTC số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Trong kỳ, Công ty ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 quy định về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền	Đơn vị tính: đồng	
	31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt	17.960.457.989	1.690.098.662
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.287.240.177	33.029.698.779
Cộng	32.247.698.166	34.719.797.441

2. Các khoản đầu tư tài chính

2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn	6.232.697.666	6.232.697.666	2.546.284.586	2.546.284.586
	6.232.697.666	6.232.697.666	2.546.284.586	2.546.284.586

2.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
a) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (*)	13.083.211.937	-	-	12.570.899.158	-	-
Công ty CP Mạ kẽm AMECC (1)	6.985.897.246	-	(i)	6.942.923.307	-	(i)
Công ty CP Mecta (2)	6.097.314.691	-	(i)	5.627.975.851	-	(i)
b) Đầu tư vào đơn vị khác	200.000.000	-	-	200.000.000	-	-
Công ty cổ phần Lisemco 3 (3)	100.000.000	-	(i)	100.000.000	-	(i)
Công ty cổ phần Lisemco 5 (4)	100.000.000	-	(i)	100.000.000	-	(i)

(*) Giá trị khoản đầu tư được xác định theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong BCTC hợp nhất.

(1) Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Mạ kẽm AMECC (trước đây là Công ty Cổ phần Mạ kẽm Lisemco 2) theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 là 30.000.000.000 đồng. Tỷ lệ góp vốn của Công ty chiếm 23,07% vốn điều lệ và chiếm 23,44% vốn thực góp.

(2) Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Mecta theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 20.000.000.000 đồng. Tỷ lệ góp vốn của Công ty chiếm 26% vốn điều lệ và chiếm 26% vốn thực góp.

(3) Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Lisemco 3 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 20.000.000.000 đồng. Tỷ lệ góp vốn của Công ty chiếm 0,50% vốn điều lệ và chiếm 0,82% vốn thực góp.

(4) Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Lisemco 5 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 35.000.000.000 đồng. Tỷ lệ góp vốn của Công ty chiếm 0,29% vốn điều lệ và chiếm 1,03% vốn thực góp.

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính

3. Phải thu khách hàng		31/12/2017	01/01/2017	
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn				
- Công ty CP Bơm Châu Âu		-	16.969.793.730	
- Công ty CP KC kim loại và Lắp máy dầu khí (PVC-MS)		12.056.145.723	14.556.145.723	
- Powerchina Nuclear engineering company		20.372.504.777	3.516.824.555	
- MYANMA SHIPYARDS- DONG A JV CO., LTD (MSDA)		82.495.170.329	-	
- Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN)		43.707.643.987	45.169.049.258	
- Công ty CP Cơ khí Hàng hải Miền Bắc		8.845.708.879	10.845.708.879	
- Phải thu khách hàng ngắn hạn khác		165.349.471.360	130.388.903.735	
Cộng		332.826.645.055	221.446.425.880	
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
- Công ty CP mạ kẽm Amecc		5.616.463.909	4.778.106.952	
Cộng		5.616.463.909	4.778.106.952	
4. Trả trước cho người bán		31/12/2017	01/01/2017	
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn				
- Công ty CP Công nghiệp & PT Hoàng Mai		6.518.739.324	-	
- Công ty CP công nghệ công nghiệp Intec		3.300.000.000	-	
- Công ty CP Thiết kế, CTTB Xử lý nước Pecom		707.898.832	3.707.898.832	
- Công ty TNHH CK Quốc Dương		3.431.296.803	-	
- Shindong Brator Co.,Ltd		-	3.016.583.700	
- Công ty CP Thương mại Kiến Phát		3.485.236.454	3.485.236.454	
- Công ty CP Lisemco 5		-	4.934.627.604	
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác		13.107.211.845	7.914.438.934	
Cộng		30.550.383.258	23.058.785.524	
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
- Công ty CP Lisemco 5		-	4.934.627.604	
Cộng		-	4.934.627.604	
5. Phải thu khác		31/12/2017	01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
- Phải thu khác	38.949.946.205	-	49.993.927.529	-
- Tạm ứng	4.603.030.819	-	14.479.711.416	-
- Ký quỹ, ký cược	28.437.569.489	-	31.231.648.873	-
- Ký quỹ, ký cược	5.909.345.897	-	4.282.567.240	-
b) Dài hạn				
- Ký quỹ, ký cược	867.615.847	-	189.925.000	-
- Ký quỹ, ký cược	867.615.847	-	189.925.000	-
Cộng	39.817.562.052	-	50.183.852.529	-
6. Nợ xấu		31/12/2017	01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
- Phải thu khách hàng	15.608.068.774	-	15.608.068.774	-
+ Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp đặt Dầu Khí	8.421.218.254	-	8.421.218.254	-
+ Công ty CP XNK Sing Việt	204.913.600	-	204.913.600	-
+ Công ty CP Xi măng Lạng Sơn	6.981.936.920	-	6.981.936.920	-
Cộng	15.608.068.774	-	15.608.068.774	-

7. Hàng tồn kho	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	92.651.673.129	-	45.336.658.195	-
Công cụ, dụng cụ	964.727.567	-	793.741.284	-
Chi phí SX kinh doanh dở dang	165.176.155.668	-	113.207.264.338	-
Hàng hóa	13.221.233.709	-	34.464.734.178	-
Cộng	272.013.790.073	-	193.802.397.995	-

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu kỳ	135.894.417.139	81.714.098.465	23.739.737.387	863.258.619	304.478.023	242.515.989.633
Số tăng trong kỳ	-	15.282.775.444	1.048.487.273	93.454.546	107.000.000	16.531.717.263
- Mua trong kỳ		12.332.775.444	1.048.487.273	93.454.546	107.000.000	13.581.717.263
- Phân loại lại		2.950.000.000				2.950.000.000
Số giảm trong kỳ	-	21.304.358.415	-	-	-	21.304.358.415
- Thanh lý, nhượng bán	-	21.304.358.415				21.304.358.415
Số dư cuối kỳ	135.894.417.139	75.692.515.494	24.788.224.660	956.713.165	411.478.023	237.743.348.481
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	21.849.782.465	42.028.104.484	7.972.975.801	539.106.617	72.567.274	72.462.536.641
Số tăng trong kỳ	7.769.577.613	8.871.526.580	2.891.845.166	102.702.431	12.179.123	19.647.830.913
- Khấu hao trong kỳ	7.769.577.613	8.871.526.580	2.891.845.166	102.702.431	12.179.123	19.647.830.913
Số giảm trong kỳ	-	5.139.674.537	-	-	-	5.139.674.537
- Thanh lý, nhượng bán	-	5.139.674.537				5.139.674.537
Số dư cuối kỳ	29.619.360.078	45.759.956.527	10.864.820.967	641.809.048	84.746.397	86.970.693.017
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	114.044.634.674	39.685.993.981	15.766.761.586	324.152.002	231.910.749	170.053.452.992
Tại ngày cuối kỳ	106.275.057.061	29.932.558.967	13.923.403.693	314.904.117	326.731.626	150.772.655.464

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay: 141.866.757.393 đồng

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.625.292.314 đồng

9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Cộng
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu kỳ	5.344.090.909	5.344.090.909
Số tăng trong kỳ	25.443.553.381	25.443.553.381
- Thuê trong năm	25.443.553.381	25.443.553.381
Số giảm trong kỳ	2.950.000.000	2.950.000.000
- Phân loại lại	2.950.000.000	2.950.000.000
Số dư cuối kỳ	27.837.644.290	27.837.644.290
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	1.270.781.099	1.270.781.099
Số tăng trong kỳ	1.170.704.283	1.170.704.283
- Khấu hao trong kỳ	1.170.704.283	1.170.704.283
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	2.441.485.382	2.441.485.382
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	4.073.309.810	4.073.309.810
Tại ngày cuối kỳ	25.396.158.908	25.396.158.908

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Chi phí giải phóng mặt bằng	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	44.042.972.877	1.196.278.100	45.239.250.977
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	44.042.972.877	1.196.278.100	45.239.250.977
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	7.228.948.306	79.285.264	7.308.233.570
Số tăng trong kỳ	960.652.584	77.903.904	1.038.556.488
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	960.652.584	77.903.904	1.038.556.488
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	8.189.600.890	157.189.168	8.346.790.058
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	36.814.024.571	1.116.992.836	37.931.017.407
Tại ngày cuối kỳ	35.853.371.987	1.039.088.932	36.892.460.919

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017	01/01/2017
- Xây dựng và cung cấp thiết bị- Dự án NM kết cấu thép Myanmar	-	5.659.991.516
- Các hạng mục công trình khác	2.894.444.820	946.497.434
Cộng	2.894.444.820	6.606.488.950

12. Phải trả người bán ngắn hạn

a) Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2017	01/01/2017
- Công ty TNHH Marubeni Itochu steel Việt Nam	52.470.470.809	11.244.147.300
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18	21.677.420.699	-
- Công ty TNHH ĐTTM dịch vụ và xây lắp Quang Anh	12.548.138.597	4.276.643.092
- Công ty TNHH đá xây dựng Nam Sơn	2.249.686.630	12.984.686.630
- Công ty CP Mecta	5.116.050.699	12.339.133.463
- Công ty TNHH ĐTTM và XD Tấn Dũng	-	11.190.561.800
- Phải trả người bán khác	98.323.523.413	84.146.935.127
Cộng	192.385.290.847	136.182.107.412

b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan

- Công ty CP mạ kẽm AMECC	-	2.380.324.835
- Công ty CP Mecta	5.116.050.699	12.339.133.463
- Công ty CP lisemco 5	65.372.396	-
Cộng	5.181.423.095	14.719.458.298

13. Người mua trả tiền trước

a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31/12/2017	01/01/2017
- CN Công ty CP Khai thác Khoáng sản miền Nam 389 tại Hà Nội	22.061.453.400	-
- Công ty CP mía đường Sơn La	2.639.287.219	-
- Công ty cổ phần Mecta	2.165.540.837	225.041.862
- Hyundai Rotem Malaysia SDN. BHD	-	1.650.405.866
- Công ty TNHH VSL Việt Nam	-	4.426.863.739
- Các khách hàng khác	3.145.691.969	4.092.631.550
Cộng	30.011.973.425	10.394.943.017

13. Người mua trả tiền trước (tiếp theo)	31/12/2017	01/01/2017
<i>b) Người mua trả tiền trước bên liên quan</i>		
- Công ty Cổ phần Lisemco 3	12.062.104	12.062.104
- Công ty CP Mecta	2.165.540.837	225.041.862
Cộng	2.177.602.941	237.103.966

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2017
<i>a) Phải nộp nhà nước</i>				
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	4.308.516.306	13.656.115.795	17.964.524.510	107.591
Thuế xuất, nhập khẩu	2.828.200	107.748.095	107.748.095	2.828.200
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	5.056.454.562	4.410.477.796	5.805.869.833	3.661.062.525
Thuế thu nhập cá nhân	335.632.344	1.161.983.751	1.423.819.331	73.796.764
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	33	1.754.674.000	1.754.674.033	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	6.501.177.708	702.151.688	1.559.064.443	5.644.264.953
Cộng	16.204.609.153	21.793.151.125	28.615.700.245	9.382.060.033

(*) Số thuế TNDN phải nộp trong kỳ bao gồm: chi phí thuế TNDN hiện hành là 3.661.062.525 đồng, tiền truy thu thuế TNDN theo quyết định số 7131/QĐ-CT ngày 26/6/2017 số tiền là 732.922.850 đồng và các khoản phạt khác.

<i>b) Phải thu của nhà nước</i>				
Thuế GTGT hàng NK nộp thừa	215.893.434	-	100.088.496	315.981.930
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	-	18.678.376	18.678.376
Thuế nhà đất tiền thuê đất	-	-	63.000	63.000
Cộng	215.893.434	-	118.829.872	334.723.306

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí bốc xếp hàng	700.000.000	1.400.000.000
Trích trước chi phí tiền lương	2.894.945.455	639.880.609
Các khoản trích trước khác	3.254.703.045	843.981.528
Cộng	6.849.648.500	2.883.862.137

16. Phải trả khác	31/12/2017	01/01/2017
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Kinh phí công đoàn	495.926.762	756.666.452
Bảo hiểm xã hội	11.671.048.621	9.913.565.549
Bảo hiểm y tế	1.271.916.432	68.548.320
Bảo hiểm thất nghiệp	391.738.490	30.385.340
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.372.697.348	5.466.110.509
+ Cổ tức phải trả	2.361.563.676	2.530.444.476
+ Công ty CP Xây dựng Thủy lợi Hải Phòng	-	934.000.000
+ Phải trả khác	4.011.133.672	2.001.666.033
Cộng	20.203.327.653	16.235.276.170
<i>b) Dài hạn</i>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	60.500.000	60.500.000
Cộng	60.500.000	60.500.000

17. Vay và nợ thuê tài chính	Giá trị	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
		Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	374.374.853.974	374.374.853.974	733.331.787.760	640.180.824.399	281.223.890.613	281.223.890.613	
+ Vay ngắn hạn ⁽¹⁾	344.436.322.535	344.436.322.535	705.957.034.071	616.696.077.549	255.175.366.013	255.175.366.013	
- NH TMCP MB - CN Nam HP	74.923.430.486	74.923.430.486	114.033.509.634	83.682.655.037	44.572.575.889	44.572.575.889	
- NH TMCP An Bình - CN HP	78.047.526.399	78.047.526.399	137.252.828.083	101.725.236.912	42.519.935.228	42.519.935.228	
- NH TMCP VP Bank - Hội sở	-	-	-	7.071.578.375	7.071.578.375	7.071.578.375	
- NH HD - CN Hải Phòng	168.897.385.212	168.897.385.212	424.024.468.957	410.844.003.855	155.716.920.110	155.716.920.110	
- NH TMCP công thương Đồ Sơn	9.787.980.438	9.787.980.438	16.066.227.397	10.982.603.370	4.704.356.411	4.704.356.411	
- Công ty CP Lisemco 5	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000	100.000.000	
- Vay cá nhân	12.680.000.000	12.680.000.000	14.580.000.000	2.390.000.000	490.000.000	490.000.000	
+ Nợ dài hạn đến hạn trả	29.938.531.439	29.938.531.439	27.374.753.689	23.484.746.850	26.048.524.600	26.048.524.600	
- NH TMCP An Bình - CN HP	3.870.759.360	3.870.759.360	5.363.981.610	4.169.000.178	2.675.777.928	2.675.777.928	
- NH TMCP Quân Đội - CN Nam Hải Phòng	1.893.150.000	1.893.150.000	1.893.150.000	1.893.150.000	1.893.150.000	1.893.150.000	
- NH HD - CN Hải Phòng ⁽²⁾	16.800.000.000	16.800.000.000	12.600.000.000	16.600.000.000	20.800.000.000	20.800.000.000	
- NH TMCP VP Bank - Hội sở	171.600.000	171.600.000	314.600.000	143.000.000	-	-	
- Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Chailease	7.203.022.079	7.203.022.079	7.203.022.079	679.596.672	679.596.672	679.596.672	
b) Vay dài hạn	83.394.660.266	83.394.660.266	33.552.428.944	36.095.045.372	85.937.276.694	85.937.276.694	
+ Vay dài hạn	72.590.195.397	72.590.195.397	7.787.748.350	20.171.731.610	84.974.178.657	84.974.178.657	
- NH TMCP An Bình - CN Hải Phòng	5.074.464.812	5.074.464.812	6.927.748.350	5.363.981.610	3.510.698.072	3.510.698.072	
- NH TMCP Quân Đội - CN Nam Hải Phòng	2.159.662.500	2.159.662.500	-	1.893.150.000	4.052.812.500	4.052.812.500	
- NH HD - CN Hải Phòng ⁽²⁾	64.810.668.085	64.810.668.085	-	12.600.000.000	77.410.668.085	77.410.668.085	
- NH TMCP VP Bank - Hội sở	545.400.000	545.400.000	860.000.000	314.600.000	-	-	
+ Nợ thuê tài chính	10.804.464.869	10.804.464.869	25.764.680.594	15.923.313.762	963.098.037	963.098.037	
- Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Chailease	10.804.464.869	10.804.464.869	25.764.680.594	15.923.313.762	963.098.037	963.098.037	

(1) Bao gồm:

- Khoản vay ngắn hạn của các ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng hạn mức, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C. Tài sản thế chấp được quy định cụ thể tại các hợp đồng tín dụng hạn mức. Thời hạn vay và lãi suất được quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ.
- Vay cá nhân theo các hợp đồng vay vốn thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất 0,8%/tháng, không có tài sản đảm bảo.

(2) Hợp đồng tín dụng hạn mức 1272/16/HỆTDTDH-DN/099 ngày 26/5/2016, thời hạn vay là 84 tháng, lãi suất 10,75% trong 3 tháng đầu tiên kể từ ngày nhận nợ và được điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ tháng thứ 4. Mục đích sử dụng vốn: Tái tài trợ khoản vay dài hạn tại BIDV. Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay là tài sản, bất động sản, quyền sử dụng đất.

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

c) Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả lãi tiền thuê	Năm nay		Trả lãi tiền thuê	Năm trước
			Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính		
Từ 1 năm trở xuống	8.452.111.351	1.249.089.272	7.203.022.079	808.724.324	129.127.652	679.596.672
Từ 1 năm đến 5 năm	11.553.429.611	748.964.742	10.804.464.869	1.049.204.874	86.106.837	963.098.037

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	LN chưa PP và các quỹ	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	-	10.505.751.941	-	130.505.751.941
Tăng vốn năm trước	30.000.000.000	-	18.996.815.938	6.151.898.195	55.148.714.133
- Phát hành thêm cổ phiếu	30.000.000.000	-	-	5.500.000.000	35.500.000.000
- Lãi trong năm trước	-	-	16.688.847.569	649.912.635	17.338.760.204
- Tăng do phân phối lợi nhuận	-	-	1.879.992.518	-	1.879.992.518
- Tăng khác	-	-	427.975.851	1.985.560	429.961.411
Giảm vốn năm trước	-	-	6.489.837.600	-	6.489.837.600
- Phân phối lợi nhuận	-	-	6.004.992.518	-	6.004.992.518
- Giảm khác	-	-	484.845.082	-	484.845.082
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000	-	23.012.730.279	6.151.898.195	179.164.628.474
Tăng vốn trong kỳ	-	-	11.924.698.273	1.851.079.016	13.775.777.289
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
- Lãi trong kỳ	-	-	10.258.156.188	769.228.888	11.027.385.076
- Tăng quỹ do phân phối lợi nhuận	-	-	1.666.542.085	71.635.611	1.738.177.696
- Tăng do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	-	10.214.517	10.214.517
Giảm vốn trong kỳ	-	-	10.010.159.842	625.809.724	10.635.969.566
- Phân phối lợi nhuận	-	-	9.684.909.552	621.635.611	10.306.545.163
- Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	10.214.517	-	10.214.517
- Giảm khác	-	-	315.035.773	4.174.113	319.209.886
Số dư cuối kỳ	150.000.000.000	-	24.927.268.710	7.377.167.487	182.304.436.197

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2017	01/01/2017
- Nguyễn Văn Thọ	18.734.420.000	18.734.420.000
- Nguyễn Văn Khánh	15.000.000.000	15.000.000.000
- Công ty CP Vận tải biển Quốc tế VISC	6.000.000.000	6.000.000.000
- Đinh Ngọc Thắng	6.000.000.000	6.000.000.000
- Nguyễn Văn Sáu	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ngô Quang Anh	10.000.000.000	10.000.000.000
- Vốn góp của cổ đông khác	84.265.580.000	84.265.580.000
Cộng	150.000.000.000	150.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	Năm trước
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	150.000.000.000	120.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	30.000.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	150.000.000.000	150.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia	8.050.000.000	4.125.000.000

19. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)		31/12/2017	01/01/2017
<i>d) Cổ phiếu</i>			
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		15.000.000	15.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu			
20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán		31/12/2017	01/01/2017
Ngoại tệ các loại			
- USD		28.408,93	38.017,77
- EUR		73,39	103,25
VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		Năm 2017	Đơn vị tính: đồng Năm 2016
Doanh thu bán hàng hóa, khác		585.045.157.679	483.692.181.908
Doanh thu chế tạo lắp đặt		543.541.776.890	564.355.807.537
Cộng		1.128.586.934.569	1.048.047.989.445
02. Giá vốn hàng bán		Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn bán hàng hóa, khác		550.535.928.687	472.491.190.887
Giá vốn chế tạo lắp đặt		493.236.469.063	480.237.994.315
Cộng		1.043.772.397.750	952.729.185.202
03. Doanh thu hoạt động tài chính		Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay		632.648.702	631.550.222
Lãi chênh lệch tỷ giá		-	389.759.562
Doanh thu hoạt động tài chính khác		164.840	-
Cộng		632.813.542	1.021.309.784
04. Chi phí tài chính		Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền vay		35.095.838.864	35.305.395.737
Lỗ chênh lệch tỷ giá		305.807.469	9.311.429
Chi phí tài chính khác		253.510.772	710.208.615
Cộng		35.655.157.105	36.024.915.781
05. Thu nhập khác		Năm 2017	Năm 2016
Chênh lệch thu nhập, chi phí từ thanh lý tài sản		7.076.991.767	1.490.503.592
Thu nhập khác		167.634.395	967.563.492
Cộng		7.244.626.162	2.458.067.084
06. Chi phí khác		Năm 2017	Năm 2016
Lãi chậm nộp tiền thuế, bảo hiểm		2.238.631.522	2.476.619.264
Chi phí khác		192.936.127	1.061.380.631
Cộng		2.431.567.649	3.537.999.895

	Năm 2017	Năm 2016
07. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	21.935.303.287	17.961.150.368
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	3.490.968.460
Chi phí khác	18.506.554.205	15.366.338.533
Cộng	40.441.857.492	36.818.457.361
08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.661.062.525	5.117.456.194
Cộng	3.661.062.525	5.117.456.194
09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.258.156.188	16.688.847.569
b) Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.258.156.188	16.688.847.569
c) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông (*)	-	518.367.467
d) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.000.000	12.386.301
e) Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	684	1.306
f) Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm (**)	5.000.000	-
g) Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	513	1.306

(*) Chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2017 là số liệu tạm tính do chưa tính ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận năm 2017 cho quỹ khen thưởng phúc lợi.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 02/04/2017, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng; phương án phát hành: phát hành 5.000.000 cổ phiếu (mã cổ phiếu AMS), mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu; toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành dự kiến 50.000.000.000 đồng sẽ được bổ sung vốn lưu động của Công ty. Ngày 17/01/2018 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có công văn số 406/UNCK-QLCB về việc hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của AMS. Theo đó, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã nhận được đầy đủ Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Giấy đăng ký chào bán ngày 27/11/2017 của Công ty. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện công bố các nội dung liên quan đến việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm 2017	Năm 2016
Mua sắm tài sản bằng hoạt động thuê mua tài chính	25.764.680.594	1.363.636.364
2. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay từ kế ước thông thường:	713.744.782.421	đồng
3. Số tiền đã thực trả gốc trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	639.501.227.727	đồng

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 02/04/2017, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng; phương án phát hành: phát hành 5.000.000 cổ phiếu (mã cổ phiếu AMS), mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu; toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành dự kiến 50.000.000.000 đồng sẽ được bổ sung vốn lưu động của Công ty. Ngày 17/01/2018 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có công văn số 406/UNCK-QLCB về việc hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của AMS. Theo đó, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã nhận được đầy đủ Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Giấy đăng ký chào bán ngày 27/11/2017 của Công ty. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện công bố các nội dung liên quan đến việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

T	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (đồng)
T				
1	Công ty Cổ phần Mạ kẽm AMECC	Công ty liên kết	Doanh thu bán vật tư, gia công Thu tiền bán vật tư, gia công Mua vật tư, hàng hóa; Thuê gia công chế tạo, nhúng nóng mạ kẽm Trả tiền gia công và tiền mua hàng hóa	24.397.808.458 26.223.194.880 36.263.525.049 56.527.702.952
2	Công ty Cổ phần Mecta	Công ty liên kết	Doanh thu bán hàng Thu tiền bán hàng Thuê gia công chế tạo, mua vật tư hàng hóa Trả tiền gia công và tiền mua vật tư hàng hóa	64.494.645.780 75.834.609.334 15.025.121.535 25.198.204.299

Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký Hội đồng quản trị trong năm 2017

TT	Chức danh	Tiền lương	Thù lao
1	Hội đồng quản trị	911.582.135	333.000.000
2	Ban kiểm soát	-	108.000.000
3	Thư ký hội đồng Quản trị	59.615.385	24.000.000
Tổng cộng		971.197.520	465.000.000

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	Đơn vị tính: đồng Tổng cộng toàn doanh nghiệp
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	543.541.776.890	585.045.157.679	1.128.586.934.569
Khấu hao và chi phí phân bổ	531.656.233.680	552.558.021.562	1.084.214.255.242
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11.885.543.210	32.487.136.117	44.372.679.327
Tổng chi phí đã phát sinh để mua sắm TSCĐ và xây dựng BĐS đầu tư	13.581.717.263	-	13.581.717.263
Tài sản bộ phận	811.199.925.858	54.982.498.036	866.182.423.894
Tài sản không phân bổ			64.140.917.224
Tổng tài sản			930.323.341.118
Nợ phải trả bộ phận	666.378.698.719	38.002.175.805	704.380.874.524
Nợ phải trả không phân bổ			43.638.030.397
Tổng nợ phải trả			748.018.904.921

Báo cáo bộ phận thứ yếu: Theo khu vực địa lý

Hoạt động chính của Công ty là Xây lắp và Thương mại trong các khu vực địa lý không có sự khác biệt lớn về điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh nên không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý được trình bày.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hà

Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

